



# DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG

ngày tháng 6 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia  
/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm

Laboratory: Testing department

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị điện Hà Nội

Organization: Hanoi Production Electrical Equipment Jsc.

Số hiệu/ Code: VILAS 1173

Chuẩn mực công nhận/  
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Điện - Điện tử

Field: Electrical - Electronic

Người quản lý/  
Laboratory manager: Tạ Văn Hiến

Hiệu lực công nhận/  
Period of Validation: Kể từ ngày /6/2026 đến ngày 23/12/2029

Địa chỉ/ Address: Cụm công nghiệp Quất Động phần mở rộng, xã Thượng Phúc,  
thành phố Hà Nội  
Quat Dong Industrial Cluster Expanded Area, Thuong Phuc  
commune, Hanoi city

Địa điểm/ Location: Cụm công nghiệp Quất Động phần mở rộng, xã Thượng Phúc,  
thành phố Hà Nội  
Quat Dong Industrial Cluster Expanded Area, Thuong Phuc  
commune, Hanoi city

Điện thoại/ Tel: 0243 391 666

E-mail: thietbidienle@gmail.com

Website: maybienapple.vn

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1173**Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**Field: **Electrical - Electronic**

| TT  | Tên sản phẩm,<br>vật liệu được thử/<br><i>Materials or product<br/>tested</i> | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i>                                                                | Giới hạn định lượng<br>(nếu có)/ Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation<br/>(if any)/range of<br/>measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i>                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1.  | <b>Máy biến áp<br/>phân phối<br/><i>Distribution<br/>transformers</i></b>     | Đo điện trở cách điện<br><i>Measurement of insulation resistance</i>                                                     | R: (2 ~ 50) GΩ<br>U: 2 500 V                                                                                      | IEEE C57.152-2013                                             |
| 2.  |                                                                               | Đo tỷ số biến áp và xác định tổ đấu dây<br><i>Measurement of voltage ratio and check<br/>phase displacement</i>          | 1 ~ 10 000                                                                                                        | IEEE C57.152-2013                                             |
| 3.  |                                                                               | Đo điện trở một chiều cuộn dây<br><i>Measurement of winding resistance</i>                                               | 1 μΩ ~ 1 999 Ω                                                                                                    | IEEE C57.152-2013                                             |
| 4.  |                                                                               | Thử điện áp cảm ứng tần số 100 Hz<br><i>Induced over voltage with stand test<br/>(100 Hz)</i>                            | Đến/to 800 V<br>@100Hz                                                                                            | TCVN 6306-3:2006<br>(IEC 60076-3:2000)                        |
| 5.  |                                                                               | Thử điện áp tăng cao tần số 50 Hz<br><i>Separate source voltage with stand test<br/>(50 Hz)</i>                          | Đến/to 100 kV <sub>AC</sub>                                                                                       | TCVN 6306-3:2006<br>(IEC 60076-3:2000)                        |
| 6.  |                                                                               | Đo tổn hao không tải và dòng điện<br>không tải<br><i>Measurement of no-load loss and no-<br/>load current</i>            | (a)<br>P: đến/to 180 000 W<br>I đến/to 65 A                                                                       | TCVN 6306-1:2015<br>(IEC 60076-1:2011)                        |
| 7.  |                                                                               | Đo tổn thất có tải và điện áp ngắn mạch<br><i>Measurement of load loss and short-<br/>circuit voltage</i>                | (a)<br>P: đến/to 180 000 W<br>U: đến/to 3 000 V                                                                   | TCVN 6306-1:2015<br>(IEC 60076-1:2011)                        |
| 8.  |                                                                               | Thử độ tăng nhiệt<br><i>Temperature rise test</i>                                                                        | S đến/to<br>2 500 kVA                                                                                             | TCVN 6306-2:2006<br>(IEC 60076-2:1993)                        |
| 9.  |                                                                               | Đo độ ồn<br><i>Measurement of sound level</i>                                                                            | (35 ~ 130) dBA<br>(40 ~ 130) dBC                                                                                  | TCVN 6306-10:2018<br>(IEC 60076-10:2016)                      |
| 10. |                                                                               | Thử xung sét<br><i>Lightning impulse test</i>                                                                            | Đến/ to 400 kV<br>U <sub>m</sub> ≤ 36,5 kV                                                                        | TCVN 6306-3:2006<br>(IEC 60076-3:2000)<br>IEEE C57.12.90-2021 |
| 11. |                                                                               | Thử độ kín của vỏ máy (thử rò rỉ khi<br>chịu áp suất) (b)<br><i>Tank tightness test (teak testing with<br/>pressure)</i> | Đến/to 0,5 bar                                                                                                    | TCVN 6306-1:2015                                              |
| 12. | <b>Dầu cách điện<br/><i>Insulating oil</i></b>                                | Thử điện áp đánh thủng dầu<br><i>Breakdown voltage test</i>                                                              | Đến/to 80 kV <sub>AC</sub>                                                                                        | IEC 60156:2018                                                |

# DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED TESTS

### VILAS 1173

---

#### Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*
- IEEE: *Institute of Electrical and Electronics Engineers*
- IEC: *International Electrotechnical Commission*
- (a): Phạm vi đo được cập nhật tháng 6/2026/ *Updated measurement range in June 2026*
- (b): Phép thử được mở rộng tháng 6/2026/ *Extended test in June 2026*

Trường hợp Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị điện Hà Nội cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị điện Hà Nội phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hanoi Production Electrical Equipment Jsc. that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

